

Số: 103/QĐ-UBND

An Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục
hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp
tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh tại Tờ trình số 06/TTr-STP ngày 15 tháng 01 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan trên cơ sở quy trình được ban hành kèm theo Quyết định này cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Website Chính phủ;
- Cục kiểm soát TTHC – Văn phòng Chính phủ;
- Cục công tác phía Nam – Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- UBND cấp xã;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TẠI TRUNG
TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Kiểm tra	Phê duyệt	Thẩm tra	Quyết định
Họ tên					
Chữ ký					
Chức vụ	Chuyên viên Phòng PBGDPL	Trưởng Phòng Phòng PBGDPL	Lãnh đạo Sở	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	Lãnh đạo tỉnh

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho các cá nhân.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Căn cứ pháp lý: - Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật. - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.		
5.2	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: <i>Cán bộ, công chức, viên chức và sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân được đề nghị công nhận làm báo cáo viên pháp luật tỉnh phải có đủ các tiêu chuẩn sau:</i> - Có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, có uy tín trong công tác; - Có khả năng truyền đạt; - Có bằng tốt nghiệp đại học luật và thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật ít nhất là 02 năm; trường hợp không có bằng tốt nghiệp đại học luật, nhưng có bằng tốt nghiệp đại học khác thì phải có thời gian công tác liên quan đến pháp luật ít nhất là 03 năm.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp tỉnh, Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự, Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng và cơ quan nhà nước cấp tỉnh khác. Văn bản đề nghị phải có đầy đủ các thông tin sau đây của người được đề nghị công nhận: a) Họ và tên;	x	

	b) Chức vụ, chức danh (nếu có) và cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác; c) Trình độ chuyên môn; d) Lĩnh vực pháp luật chuyên môn sâu dự kiến kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.			
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gốc			
5.5	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc (40 giờ) kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có đầy đủ thông tin theo quy định.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính.			
5.7	Lệ phí: Không.			
5.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra đầy đủ hồ sơ theo quy định (theo 5.2, 5.3) từ Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	04 giờ	Nhận Phiếu kiểm soát quá trình của TTPVHCC
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng PBGDPL	10 giờ	
	Nhận hồ sơ và chuyển xử lý	Trưởng phòng PBGDPL		
	Xem xét hồ sơ và tham mưu dự thảo văn bản trả kết quả:	Chuyên viên Phòng PBGDPL		
	- Đối với hồ sơ đầy đủ hợp lệ đúng quy định: + Xử lý, thẩm định hồ sơ. + Dự thảo văn bản trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh. - Đối với hồ sơ không có đủ thông tin theo quy định: + Xử lý, thẩm định hồ sơ. + Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung thông tin.			
Bước 3	Hoàn tất hồ sơ trình Lãnh đạo phòng	Chuyên viên Phòng PBGDPL	06 giờ	

	Xem xét ký nháy văn bản trả kết quả để trình Lãnh đạo sở duyệt	Trưởng phòng PBGDPL		
	Lãnh đạo Sở phê duyệt văn bản và gửi Văn thư Sở Tư pháp.	Lãnh đạo Sở		
Bước 4	Thẩm tra hồ sơ, soạn thảo văn bản trình lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.	Chuyên viên Phòng Nội chính VP.UBND tỉnh	16 giờ	
	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh duyệt trình lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo VP.UBND tỉnh		
	Lãnh đạo UBND tỉnh ký ban hành, chuyển Văn thư phát hành.	Lãnh đạo UBND tỉnh		
	Văn thư phát hành 02 bản chính để gửi cho cá nhân và tổ chức đề nghị công nhận sang Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả và gửi 01 bản chính cho Sở Tư pháp để lưu hồ sơ, theo dõi, quản lý.	Văn thư VP. UBND tỉnh		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính (nếu cá nhân, tổ chức có yêu cầu).	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	04 giờ	

6. BIỂU MẪU: Không.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh/Văn bản bổ sung thông tin báo cáo viên pháp luật tỉnh khi Sở Tư pháp có yêu cầu.
2	Tờ trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh/Văn bản đề nghị bổ sung thông tin báo cáo viên pháp luật tỉnh.
3	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh.
Hồ sơ được lưu tại Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật, thời gian lưu vĩnh viễn. Sau đó, chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ theo quy định hiện hành.	

2. Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1. MỤC ĐÍCH
- 2. PHẠM VI
- 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6. BIỂU MẪU
- 7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Kiểm tra	Phê duyệt	Thẩm tra	Quyết định
Họ tên					
Chữ ký					
Chức vụ	Chuyên viên Phòng PBGDPL	Trưởng Phòng Phòng PBGDPL	Lãnh đạo Sở	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	Lãnh đạo tỉnh

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho các cá nhân.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Căn cứ pháp lý: - Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật. - Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.
5.2	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: <i>Báo cáo viên pháp luật tỉnh được đề nghị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</i> - Tự nguyện xin thôi làm báo cáo viên pháp luật vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác; - Không còn là cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân hoặc chuyển công tác khỏi cơ quan, tổ chức đã đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật; - Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật. Cụ thể: + Có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, có uy tín trong công tác; + Có khả năng truyền đạt; + Có bằng tốt nghiệp đại học luật và thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật ít nhất là 02 năm; trường hợp không có bằng tốt nghiệp đại học luật, nhưng có bằng tốt nghiệp đại học khác thì phải có thời gian công tác liên quan đến pháp luật ít nhất là 03 năm. - Từ chối không thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật theo sự phân công của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp mà không có lý do chính đáng từ 03 lần trở lên; - Thực hiện một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 9 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật. Cụ thể: + Truyền đạt sai lệch, phê phán nội dung pháp luật được phổ biến; không cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu có nội dung sai sự thật, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, truyền thống tốt đẹp của dân tộc. + Lợi dụng phổ biến, giáo dục pháp luật để xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền chính sách thù địch, gây chia rẽ khối đại

	đoàn kết toàn dân tộc; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. + Cản trở việc thực hiện quyền được thông tin, tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân, hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. + Lợi dụng việc thực hiện quyền được thông tin, tìm hiểu, học tập pháp luật để gây cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân, gây mất trật tự, an toàn xã hội. - Bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật; - Mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự.			
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	Văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp tỉnh, Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự, Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng và cơ quan nhà nước cấp tỉnh khác. Văn bản đề nghị phải có đầy đủ các thông tin sau đây của người được đề nghị miễn nhiệm: - Họ và tên; - Chức vụ, chức danh (nếu có) và cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác; - Số, ngày, tháng, năm của Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật; - Lý do của việc đề nghị miễn nhiệm.	x		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gốc			
5.5	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc (40 giờ) kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật có đầy đủ thông tin theo quy định.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính.			
5.7	Lệ phí: Không.			
5.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra đầy đủ hồ sơ theo quy định (theo 5.2, 5.3) từ Trung tâm Phục vụ hành chính	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	04 giờ	Nhận Phiếu kiểm soát quá trình

	công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả			của TTPVHCC
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng PBGDPL	10 giờ	
	Nhận hồ sơ và chuyển xử lý	Trưởng phòng PBGDPL		
	Xem xét hồ sơ và tham mưu dự thảo văn bản trả kết quả:	Chuyên viên Phòng PBGDPL		
	- Đối với hồ sơ đầy đủ hợp lệ đúng quy định: + Xử lý, thẩm định hồ sơ. + Dự thảo văn bản trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh. - Đối với hồ sơ không có đủ thông tin theo quy định: + Xử lý, thẩm định hồ sơ. + Dự thảo văn bản đề nghị bổ sung thông tin.			
Bước 3	Hoàn tất hồ sơ trình Lãnh đạo phòng.	Chuyên viên Phòng PBGDPL	06 giờ	
	Xem xét ký nháy văn bản trả kết quả để trình Lãnh đạo sở duyệt.	Trưởng phòng PBGDPL		
	Lãnh đạo Sở phê duyệt văn bản và gửi Văn thư Sở Tư pháp.	Lãnh đạo Sở		
Bước 4	Thẩm tra hồ sơ, soạn thảo văn bản trình lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.	Chuyên viên Phòng Nội chính VP.UBND tỉnh	16 giờ	
	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh duyệt trình lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo VP.UBND tỉnh		
	Lãnh đạo UBND tỉnh ký ban hành, chuyển Văn thư phát hành.	Lãnh đạo UBND tỉnh		
	Văn thư phát hành 02 bản chính để gửi cho cá nhân và tổ chức đề nghị miễn nhiệm sang Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ	Văn thư VP. UBND tỉnh		

	phận Tiếp nhận và Trả kết quả và gửi 01 bản chính cho Sở Tư pháp để lưu hồ sơ, theo dõi, quản lý.			
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu chính (nếu cá nhân, tổ chức có yêu cầu).	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	04 giờ	

6. BIỂU MẪU: Không.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh/Văn bản bổ sung thông tin báo cáo viên pháp luật tỉnh khi Sở Tư pháp có yêu cầu.
2	Tờ trình UBND tỉnh ban hành Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh/Văn bản đề nghị bổ sung thông tin báo cáo viên pháp luật tỉnh được đề nghị miễn nhiệm.
3	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh.
Hồ sơ được lưu tại Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật, thời gian lưu vĩnh viễn. Sau đó, chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ theo quy định hiện hành.	

II. LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP

1. Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1. MỤC ĐÍCH
- 2. PHẠM VI
- 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6. BIỂU MẪU
- 7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp	Trưởng Phòng Hành chính tư pháp	Lãnh đạo Sở

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành/Lần sửa đổi	Ngày ban hành

--	--	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự giải quyết hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam, các cơ quan có liên quan đến qui trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- ĐDLĐ: Đại diện lãnh đạo
- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Căn cứ pháp lý:		
	+ Luật Lý lịch tư pháp năm 2009.		
	+ Luật căn cước công dân năm 2014.		
	+ Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp.		
	+ Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.		
5.2	+ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.		
	+ Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.		
	+ <i>Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.</i>		
5.3	Yêu cầu, Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Không		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp

			có mang theo bản chính để đối chiếu
	+ Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu quy định (Mẫu số 03/2013/TT-LLTP; Mẫu số 04/2013/TT-LLTP).	x	
	+ Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp;		x
	+ Sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú hoặc giấy chứng nhận thường trú hoặc tạm trú của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp		x
	+ Văn bản ủy quyền trong trường hợp ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (trường hợp người được ủy quyền là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người ủy quyền thì không cần văn bản ủy quyền). Văn bản ủy quyền phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 không được ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.	x	
	+ Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1)		x
	+ Người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp thuộc đối tượng được miễn hoặc giảm phí phải xuất trình các giấy tờ để chứng minh.	x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
5.5	Thời gian giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày (80 giờ), kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày (120 giờ).		

5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp qua phần mềm dịch vụ công trực tuyến			
5.7	Phí: + <i>Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: 200.000đồng/lần/người.</i> + <i>Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000đồng/lần/người.</i> <i>Các trường hợp miễn phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp gồm: Trẻ em theo quy định tại Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Người cao tuổi theo quy định tại Luật người cao tuổi; Người khuyết tật theo quy định tại Luật người khuyết tật; Người thuộc hộ nghèo theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020; Người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật.</i> <i>Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 2 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ phiếu thứ 3 trở đi cơ quan cấp phiếu lý lịch tư pháp thu thêm 5.000đ/phieu, để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu lý lịch tư pháp.</i>			
5.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra đầy đủ hồ sơ theo quy định (theo 5.3) từ Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình của TTPVHCC - Các hồ sơ tại mục 5.3
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng HCTP	03 giờ 30 phút	
2.1	Nhận hồ sơ và chuyển xử lý	Trưởng phòng HCTP		
2.2	Xem xét hồ sơ và tham mưu dự thảo văn bản xác minh: - Hồ sơ đầy đủ hợp lệ đúng quy định: + Xử lý, thẩm định hồ sơ. + In phiếu Xác minh thông tin lý lịch tư pháp.	Chuyên viên Phòng HCTP		- Phiếu Xác minh thông tin lý lịch tư pháp. - Hoặc văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp

	- Hồ sơ Không hợp lệ: Soạn văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp			
	Xem xét ký nháy văn bản xác minh hoặc văn bản từ chối tiếp nhận hồ sơ để trình Lãnh đạo Sở duyệt	Trưởng phòng HCTP		
	Lãnh đạo Sở phê duyệt văn bản và trả lại hồ sơ cho Phòng HCTP	Lãnh đạo Sở		
2.3	Gửi văn bản xác minh đến Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia và các cơ quan đơn vị có liên quan.	Chuyên viên Phòng HCTP	30 phút	Gửi Phiếu xác minh thông tin LLTP và scan các giấy tờ có liên quan đến Trung tâm LLTPQG qua phần mềm cấp phiếu LLTP
2.4	Tra cứu xác minh và trả lời kết quả xác minh thông tin lý lịch tư pháp	Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia và các cơ quan đơn vị có liên quan.	68 giờ – 108 giờ	Văn bản trả lời kết quả xác minh thông tin lý lịch tư pháp (Công văn cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích)
2.5	Từ văn bản trả lời của các cơ quan phối hợp, thực hiện in văn bản trả kết quả	Chuyên viên Phòng HCTP		Phiếu Lý lịch tư pháp số 01 hoặc Phiếu Lý lịch tư pháp số 02
Bước 3	Xem xét ký nháy Phiếu LLTP số 01, hoặc số 02 để trả kết quả để trình Lãnh đạo sở duyệt	Trưởng phòng HCTP		
Bước 4	Lãnh đạo Sở phê duyệt Phiếu LLTP số 01, hoặc số 02 và trả lại hồ sơ cho Phòng HCTP	Lãnh đạo Sở	04 giờ	
Bước 5	Lưu hồ sơ và gửi trả kết quả	Chuyên viên Phòng HCTP		

Bước 6	Vào sổ theo dõi trả kết quả tại TTPVHCC	Công chức tiếp nhận và trả kết quả		Sổ theo dõi TTPVHCC
-------------------	--	--	--	------------------------

6. BIỂU MẪU: 04 mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 03/2013/TT- LLTP	Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (ban hành kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BTP)
2	Mẫu số 04/2013/TT- LLTP	Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (dùng cho cá nhân trong trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và cá nhân là cha, mẹ của người chưa thành niên yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2) (ban hành kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BTP)

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ yêu cầu cấp phiếu Lý lịch tư pháp (kèm theo các hồ sơ như mục 5.3)
2	Phiếu xác minh thông tin lý lịch tư pháp (Mẫu số 03/TTLT được ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP)
3	Công văn cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích của Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
4	Phiếu Lý lịch tư pháp số 01 (Mẫu 06/TT-BTP) hoặc Phiếu Lý lịch tư pháp số 2 (Mẫu số 07/ TT- LLTP) (được ban hành kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BTP) của người yêu cầu cấp phiếu LLTP.
Hồ sơ được lưu tại Phòng Hành chính Tư pháp trong năm giải quyết hồ sơ. Năm tiếp theo, chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của cơ quan với thời gian lưu trữ 20 năm.	

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP
(Dùng cho cá nhân có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp)

Kính gửi:

1. Tên tôi là¹:.....
2. Tên gọi khác (nếu có):.....3. Giới tính :.....
.....
4. Ngày, tháng, năm sinh://
5. Nơi sinh²:.....
6. Quốc tịch:.....7. Dân tộc:.....
8. Nơi thường trú ³:
.....
9. Nơi tạm trú⁴:.....
.....
10. Giấy CMND/Hộ chiếu :.....⁵Số:
Cấp ngày.....tháng.....năm.....Tại:
11. Họ tên cha:.....Ngày/tháng/năm sinh
12. Họ tên mẹ:.....Ngày/tháng/năm sinh
13.Họ tên vợ/chồng.....Ngày/tháng/năm sinh
11. Số điện thoại/e-mail:

QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ CỦA BẢN THÂN
(Tính từ khi đủ 14 tuổi)

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Nơi thường trú/ Tạm trú	Nghề nghiệp, nơi làm việc ⁶

Phân khai về án tích, nội dung bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý
doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):

Yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp⁷: Số S

Yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản (trong trường hợp yêu cầu cấp

Phiếu lý lịch tư pháp số 1 ☐ Có ☐ Không

Mục đích yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp:.....

.....

Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp:.....Phiếu.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu.

² Ghi rõ xã/phường, huyện/quận, tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương.

^{3,4} Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi.

⁵ Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.

⁶ Đối với người đã từng là quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân quốc phòng, quân nhân dự bị, dân quân tự vệ thì ghi rõ chức vụ trong thời gian phục vụ trong quân đội.

⁷ **Phiếu lý lịch tư pháp số 1** là Phiếu ghi các án tích chưa được xóa và không ghi các án tích đã được xóa; thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã chỉ ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1 khi cá nhân, cơ quan, tổ chức có yêu cầu.

Phiếu lý lịch tư pháp số 2 là Phiếu ghi đầy đủ các án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Mẫu số 04/2013/TT-LLTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

(Dùng cho cá nhân trong trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và cá nhân là cha, mẹ của người chưa thành niên yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2)

Kính gửi:

1. Tên tôi là¹:
2. Tên gọi khác (nếu có): 3. Giới tính:
4. Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... 5. Nơi sinh²:
6. Địa chỉ³: Số điện thoại :
7. Giấy CMND/Hộ chiếu:⁴ Số:
Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại:
8. Được sự ủy quyền :
8.1. Mối quan hệ với người ủy quyền⁵ :
8.2. Theo văn bản ủy quyền ký ngày
⁶.....tháng.....năm.....

Tôi làm Tờ khai này đề nghị cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người có tên dưới đây :

PHÂN KHAI VỀ NGƯỜI ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

1. Họ và tên⁷:
2. Tên gọi khác (nếu có): 3. Giới tính:
4. Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... 5. Nơi sinh²:
6. Quốc tịch : 7. Dân tộc:
8. Nơi thường trú⁸:
.....
9. Nơi tạm trú⁹:
.....
10. Giấy CMND/Hộ chiếu :¹⁰ Số:
Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại:

11. Số điện thoại/e-mail:

**PHẦN KHAI VỀ CHA, MẸ, VỢ/ CHỒNG CỦA NGƯỜI ỦY QUYỀN HOẶC
CHA, MẸ CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN**

	CHA	MẸ	VỢ/ CHỒNG
Họ và tên			
Ngày, tháng, năm sinh			

QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN¹¹

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Nơi thường trú/ Tạm trú	Nghề nghiệp, nơi làm việc ¹²

Phản khai về án tích, về nội dung cam đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):

.....

Yêu cầu xác nhận về nội dung cam đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản ☐ ở K ☐ g
Mục đích yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp:.....

.....

...

Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp:.....Phiếu

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

2. Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp	Trưởng Phòng Hành chính tư pháp	Lãnh đạo Sở

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
--------------------------------	---------------------------------------	-------------------------------	-----------------------------------	----------------------

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự giải quyết hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan đến qui trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- ĐDLĐ: Đại diện lãnh đạo
- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Căn cứ pháp lý: + Luật Lý lịch tư pháp năm 2009. + Luật căn cước công dân năm 2014. + Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. + Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. + Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. + Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. + Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.
5.2	Yêu cầu, Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Không

5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có mang theo bản chính để đối chiếu	
	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 dành cho cơ quan, tổ chức (Mẫu số 05a/2013/TT-LLTP).	x		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày (80 giờ), kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày (120 giờ).			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Gửi văn bản yêu cầu đến Sở Tư pháp hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính.			
5.7	Phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra đầy đủ hồ sơ theo quy định (theo 5.3) từ Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình của TTPVHCC - Các hồ sơ tại mục 5.3
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng HCTP	03 giờ 30 phút	
2.1	Nhận hồ sơ và chuyển xử lý	Trưởng phòng HCTP		
2.2	Xem xét hồ sơ và tham mưu dự thảo văn bản xác minh:	Chuyên viên Phòng HCTP		- Phiếu Xác minh thông tin lý lịch tư pháp. - Hoặc văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp
	- Hồ sơ đầy đủ hợp lệ đúng quy định: + Xử lý, thẩm định hồ sơ. + In phiếu Xác minh thông tin lý lịch tư pháp.			
- Hồ sơ Không hợp lệ: Soạn văn bản từ chối tiếp				

	nhận giải quyết thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp			
	Xem xét ký nháy văn bản xác minh hoặc văn bản từ chối tiếp nhận hồ sơ để trình Lãnh đạo Sở duyệt	Trưởng phòng HCTP		
	Lãnh đạo Sở phê duyệt văn bản và trả lại hồ sơ cho Phòng HCTP	Lãnh đạo Sở		
2.3	Gửi văn bản xác minh đến Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia và các cơ quan đơn vị có liên quan.	Chuyên viên Phòng HCTP	30 phút	Gửi Phiếu xác minh thông tin LLTP và scan các giấy tờ có liên quan đến Trung tâm LLTPQG qua phần mềm cấp phiếu LLTP
2.4	Tra cứu xác minh và trả lời kết quả xác minh thông tin lý lịch tư pháp.	Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia và các cơ quan đơn vị có liên quan.	68 giờ – 108 giờ	Văn bản trả lời kết quả xác minh thông tin lý lịch tư pháp (Công văn cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích)
2.5	Từ văn bản trả lời của các cơ quan phối hợp, thực hiện in văn bản trả kết quả	Chuyên viên Phòng HCTP		Phiếu Lý lịch tư pháp số 01
Bước 3	Xem xét ký nháy Phiếu LLTP số 01 để trả kết quả để trình Lãnh đạo sở duyệt	Trưởng phòng HCTP	04 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo Sở phê duyệt Phiếu LLTP số 01 và trả lại hồ sơ cho Phòng HCTP	Lãnh đạo Sở		
Bước 5	Lưu hồ sơ và gửi trả kết quả	Chuyên viên Phòng HCTP		
Bước 6	Vào sổ theo dõi trả kết quả tại TTPVHCC	Công chức tiếp nhận và trả kết quả		Sổ theo dõi TTPVHCC

6. BIỂU MẪU: 01 mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 05a/2013/TT- LLTP	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 dành cho cơ quan, tổ chức.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 dành cho cơ quan, tổ chức
2	Phiếu xác minh thông tin lý lịch tư pháp (Mẫu số 03/TTLT được ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP)
3	Công văn cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích của Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
4	Phiếu Lý lịch tư pháp số 01 (Mẫu 06/TT-BTP - được ban hành kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BTP).
Hồ sơ được lưu tại Phòng Hành chính Tư pháp trong năm giải quyết hồ sơ. Năm tiếp theo, chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của cơ quan với thời gian lưu trữ 20 năm.	

Mẫu số 05a/2013/TT- LLTP
(Mẫu văn bản yêu cầu cấp Phiếu LLTP số 1

dùng cho cơ quan nhà nước, tổ chức
chính trị, tổ chức chính trị xã hội)

.....
_____ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:¹

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm
2009,.....² đề nghị
.....¹cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 của người
có tên dưới đây:

1. Họ và tên:.....

2. Tên gọi khác (nếu có): 3. Giới tính:.....

4. Ngày, tháng, năm sinh: .../ .../ 5. Nơi sinh :

6. Quốc tịch :.....7. Dân
tộc.....

8. Nơi thường trú:

.....

9. Nơi tạm trú:

.....

10. Giấy CMND/Hộ chiếu :.....Số:

Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại:

11. Yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý
doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá

12. Mục đích sử dụng Phiếu ☐ Có ☐ Kh
ly lịch tư pháp:

.....

.....

13. Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp:.....Phiếu.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

.....
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú :

¹ Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp.

² Ghi rõ tên cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

3. Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp	Trưởng Phòng Hành chính tư pháp	Lãnh đạo Sở

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự giải quyết hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan có liên quan đến qui trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- ĐDLĐ: Đại diện lãnh đạo
- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Căn cứ pháp lý: + Luật Lý lịch tư pháp năm 2009. + Luật căn cước công dân năm 2014. + Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. + Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. + Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. + Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. + Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.		
	5.2 Yêu cầu, Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Không		
	5.3 Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp

			có mang theo bản chính để đối chiếu	
	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 dành cho cơ quan tiến hành tố tụng (Mẫu số 05b/2013/TT-LLTP).		x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày (80 giờ), kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày (120 giờ).			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Gửi văn bản yêu cầu đến Sở Tư pháp hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính.			
5.7	Phí: <i>Không</i>			
5.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra đầy đủ hồ sơ theo quy định (theo 5.3) từ Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình của TTPVHCC - Các hồ sơ tại mục 5.3
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng HCTP	03 giờ 30 phút	
2.1	Nhận hồ sơ và chuyển xử lý	Trưởng phòng HCTP		
2.2	Xem xét hồ sơ và tham mưu dự thảo văn bản xác minh: - Hồ sơ đầy đủ hợp lệ đúng quy định: + Xử lý, thẩm định hồ sơ. + In phiếu Xác minh thông tin lý lịch tư pháp. - Hồ sơ Không hợp lệ: Soạn văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp	Chuyên viên Phòng HCTP		- Phiếu Xác minh thông tin lý lịch tư pháp. - Hoặc văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp

	Xem xét ký nháy văn bản xác minh hoặc văn bản từ chối tiếp nhận hồ sơ để trình Lãnh đạo Sở duyệt	Trưởng phòng HCTP		
	Lãnh đạo Sở phê duyệt văn bản và trả lại hồ sơ cho Phòng HCTP	Lãnh đạo Sở		
2.3	Gửi văn bản xác minh đến Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia và các cơ quan đơn vị có liên quan.	Chuyên viên Phòng HCTP	30 phút	Gửi Phiếu xác minh thông tin LLTP và scan các giấy tờ có liên quan đến Trung tâm LLTPQG qua phần mềm cấp phiếu LLTP
2.4	Tra cứu xác minh và trả lời kết quả xác minh thông tin lý lịch tư pháp.	Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia và các cơ quan đơn vị có liên quan.	68 giờ – 108 giờ	Văn bản trả lời kết quả xác minh thông tin lý lịch tư pháp (Công văn cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích)
2.5	Từ văn bản trả lời của các cơ quan phối hợp, thực hiện in văn bản trả kết quả	Chuyên viên Phòng HCTP		Phiếu Lý lịch tư pháp số 02
Bước 3	Xem xét ký nháy Phiếu LLTP số 02 để trả kết quả để trình Lãnh đạo sở duyệt	Trưởng phòng HCTP	04 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo Sở phê duyệt Phiếu LLTP số 02 và trả lại hồ sơ cho Phòng HCTP	Lãnh đạo Sở		
Bước 5	Lưu hồ sơ và gửi trả kết quả	Chuyên viên Phòng HCTP		
Bước 6	Vào sổ theo dõi trả kết quả tại TTPVHCC	Công chức tiếp nhận và trả kết quả		Sổ theo dõi TTPVHCC

6. BIỂU MẪU: 01 mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
----	---------	--------------

1	Mẫu số 05b/2013/TT- LLTP	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 dành cho cơ quan tiến hành tố tụng (Mẫu số 05b/2013/TT-LLTP).
----------	--------------------------------	--

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 dành cho cơ quan, tổ chức
2	Phiếu xác minh thông tin lý lịch tư pháp (Mẫu số 03/TTLT được ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP)
3	Công văn cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích của Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
4	Phiếu Lý lịch tư pháp số 02 (Mẫu 07/TT-BTP - được ban hành kèm theo Thông tư số 13/2011/TT-BTP).
Hồ sơ được lưu tại Phòng Hành chính Tư pháp trong năm giải quyết hồ sơ. Năm tiếp theo, chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của cơ quan với thời gian lưu trữ 20 năm.	

Mẫu số 05b/2013/TT-LLTP

(Mẫu văn bản yêu cầu cấp Phiếu LLTP
số 2

dùng cho cơ quan tiến hành tố tụng)

.....
_____ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ngày.....
tháng.....năm.....

Kính gửi¹:

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009, để phục vụ công tác
điều tra, truy tố, xét xử,
.....² đề
nghị¹ cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 của người
có tên dưới đây:

1. Họ và tên:.....
2. Tên gọi khác (nếu có): 3. Giới tính.....
4. Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... 5. Nơi sinh :
6. Quốc tịch :..... 7. Dân tộc.....
8. Nơi thường trú:
-
9. Nơi tạm trú:
-
10. Giấy CMND/Hộ chiếu :.....Số:
- Cấp ngày.....tháng.....năm..... Tại:
11. Họ và tên vợ (hoặc chồng) :.....
12. Họ và tên cha:.....
13. Họ và tên mẹ:.....

Nơi nhận:

- Như trên;
-

.....
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú :

¹ Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp.

² Ghi rõ tên cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

III. LĨNH VỰC QUỐC TỊCH

1. Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp	Trưởng Phòng Hành chính tư pháp	Lãnh đạo Sở

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự giải quyết hồ sơ yêu cầu cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho cá nhân và các cơ quan có liên quan đến qui trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- ĐDLĐ: Đại diện lãnh đạo
- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Căn cứ pháp lý: - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 1/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ. - Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an sửa đổi, bổ sung điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 1/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.		
	5.2 Yêu cầu, Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Cá nhân cư trú ở trong nước		
	5.3 Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có mang theo bản chính để đối chiếu
	Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu) kèm 02 ảnh 4x6	x	
	Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế		x
	Giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc		x

	tịch Việt Nam được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc có cha hoặc mẹ, ông nội hoặc bà nội, ông ngoại hoặc bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống. - Giấy tờ có liên quan khác làm căn cứ để tham khảo gồm: + Giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch do các chế độ cũ cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực); + Giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước mà người yêu cầu đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; + Giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người yêu cầu có gốc Việt Nam; + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).			
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian giải quyết hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (40 giờ).			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính.			
5.7	Lệ Phí: 100.000 đồng. <i>Miễn lệ phí đối với: Kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.</i>			
5.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra đầy đủ hồ sơ theo quy định (theo	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình của TTPVHCC - Các hồ sơ tại mục 5.3

	5.3) từ Trung tâm Phục vụ hành chính công			
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng HCTP	32 giờ	
2.1	Nhận hồ sơ và chuyển xử lý	Trưởng phòng HCTP		
2.2	Xem xét hồ sơ	Chuyên viên Phòng HCTP		
	Kiểm tra, đối chiếu cơ sở dữ liệu, tài liệu có liên quan đến quốc tịch.			
	In văn bản trả kết quả: - Nếu xét thấy có đủ cơ sở để xác định người đó có nguồn gốc Việt Nam thì cấp cho người đó Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam - Trường hợp không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu là người gốc Việt Nam, thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho người đó biết.			
Bước 3	Xem xét ký nháy văn bản trả kết quả để trình Lãnh đạo sở duyệt		Trưởng phòng HCTP	04 giờ
Bước 4	Lãnh đạo Sở phê duyệt văn bản trả kết quả và trả lại hồ sơ cho Phòng HCTP	Lãnh đạo Sở		
Bước 5	Lưu hồ sơ và gửi trả kết quả	Chuyên viên Phòng HCTP		
Bước 6	Vào sổ theo dõi trả kết quả tại TTPVHCC	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	Sổ theo dõi TTPVHCC	

6. BIỂU MẪU: 01 mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu TP/QT-2013-TKXNCQTVN.	Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam (Mẫu TP/QT-2013-TKXNCQTVN).

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam
2	Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam hoặc văn bản thông báo về việc người yêu cầu không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu là người gốc Việt Nam.
Hồ sơ được lưu tại Phòng Hành chính Tư pháp trong năm giải quyết hồ sơ. Năm tiếp theo, chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của cơ quan theo quy định hiện hành.	

TP/QT-2013-TKXNLNGVN

Ảnh
4x6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TỜ KHAI XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM

Kính gửi:.... (tên cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ)

Họ và tên người yêu cầu: **Giới tính:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Địa chỉ cư trú:

Nơi thường trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

.....
.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có):

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

số, **cấp ngày** **tháng** **năm**

tại

Giấy tờ để chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống, giấy tờ chứng minh là con, cháu của người mà khi sinh ra có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống:

1)

2)

3)

4)

5)

Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình./.

NGƯỜI

(ký, ghi rõ họ, tên)

KHAI

2. Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xác minh			Xem xét, kết luận	Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt
Họ tên							
Chữ ký							
Chức vụ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp	Trưởng Phòng Hành chính tư pháp	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Công an tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	Bộ Tư pháp	Chủ tịch nước

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự giải quyết hồ sơ yêu cầu nhập quốc tịch Việt Nam

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho cá nhân và các cơ quan có liên quan đến qui trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- ĐDLĐ: Đại diện lãnh đạo
- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Căn cứ pháp lý: - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 1/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ. - Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an sửa đổi, bổ sung điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 1/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.
5.2	Yêu cầu, Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Công dân nước ngoài và người không quốc tịch đang thường trú ở Việt Nam có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện sau đây: + Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam; + Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam; + Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam;

+ Đã thường trú ở Việt Nam từ 5 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam;

+ Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp: là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam; có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó); có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (là người có tài năng trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hoá, xã hội, nghệ thuật, thể thao, được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận việc nhập quốc tịch của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển trong các lĩnh vực nói trên của Việt Nam). Có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải có các điều sau đây:

+ Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam;

+ Đã thường trú ở Việt Nam từ 5 năm trở lên tính từ ngày được cấp Thẻ thường trú;

+ Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.

- Người được nhập quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người sau đây, trong trường hợp đặc biệt, nếu được Chủ tịch nước cho phép:

+ Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam;

+ Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;

+ Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên gọi Việt Nam. Tên gọi này do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có mang theo bản chính để đối chiếu
	- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam;	x	
	- Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế		x

	- Bản khai lý lịch;	x	
	- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;	x	
	- Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt (gồm một trong các giấy tờ sau đây: bản sao bằng tốt nghiệp sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ chứng nhận trình độ tiếng Việt do cơ sở đào tạo tiếng Việt của Việt Nam cấp). Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam khai báo biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam, nhưng không có một trong các giấy tờ nêu trên, thì Sở Tư pháp tổ chức phỏng vấn trực tiếp để kiểm tra trình độ tiếng Việt của người đó. Kết quả phỏng vấn phải được lập thành văn bản; người trực tiếp phỏng vấn căn cứ vào tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 78/2009/NĐ-CP (biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam được đánh giá trên cơ sở khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt với công dân Việt Nam trong cuộc sống, phù hợp với môi trường sống và làm việc của người đó) để đề xuất ý kiến và chịu trách nhiệm về ý kiến đề xuất của mình;	x	

	- Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (Bản sao Thẻ thường trú);		x
	- Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam (gồm một trong các giấy tờ sau: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy xác nhận mức lương hoặc thu nhập do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc cấp; giấy xác nhận của cơ quan thuế về thu nhập chịu thuế; giấy tờ chứng minh được sự bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người xin nhập quốc tịch Việt Nam về khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam của người đó).		x
	- Trường hợp con chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam cùng cha mẹ thì phải nộp Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên hoặc giấy tờ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ cha hoặc mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì còn phải nộp văn bản thoả thuận của cha mẹ về việc nhập quốc tịch Việt Nam cho con.		x
	Lưu ý: Những người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là: - Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam phải nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn chứng minh quan hệ hôn nhân; - Người là cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam phải nộp bản sao Giấy		x

	khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con; - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải nộp bản sao Huân chương, Huy chương, giấy chứng nhận danh hiệu cao quý khác hoặc giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; - Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Người (là người có tài năng trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hoá, xã hội, nghệ thuật, thể thao) phải nộp giấy chứng nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận về việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển của một trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hoá, xã hội, nghệ thuật, thể thao.			
5.4	Số lượng hồ sơ: 03 bộ			
5.5	Thời gian giải quyết hồ sơ: 115 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền) (920 giờ)			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính.			
5.7	Lệ phí: 3.000.000 đồng. <i>Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau:</i> + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). + Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.			
5.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả

Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra đầy đủ hồ sơ theo quy định (theo 5.3) từ Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	08 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình của TTPVHCC - Các hồ sơ tại mục 5.3
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng HCTP	32 giờ	
2.1	Nhận hồ sơ và chuyển xử lý	Trưởng phòng HCTP		
2.2	Xem xét hồ sơ	Chuyên viên Phòng HCTP		
	In văn bản xác minh gửi Công an tỉnh, trình lãnh đạo phòng ký nháy, trình lãnh đạo Sở ký văn bản xác minh			Văn bản xác minh
2.3	Xác minh	Công an tỉnh	240 giờ	Văn bản trả lời
2.4	Sau khi nhận được văn bản của Công an tỉnh, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam và hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Chuyên viên Phòng HCTP Trưởng phòng HCTP Lãnh đạo Sở	80 giờ	Tờ trình/Công văn trình UBND tỉnh Dự thảo văn bản của UBND tỉnh gửi Bộ Tư pháp
Bước 3	Xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	UBND tỉnh	160 giờ	Văn bản của UBND tỉnh gửi Bộ Tư pháp
Bước 4	Kiểm tra lại hồ sơ: - Nếu xét thấy có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam	Bộ trưởng Bộ Tư pháp (thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem	160 giờ	Thông báo bằng văn bản cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước

	xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định. - Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch thì trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin nhập quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.	xét, quyết định)		ngoài hoặc là người không quốc tịch. Văn bản đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định
Bước 5	Xem xét, quyết định	Chủ tịch nước	240 giờ	
Bước 6	Bộ Tư pháp gửi cho người được nhập bản sao Quyết định kèm theo bản trích sao danh sách những người được nhập quốc tịch, đồng thời gửi 01 bản			Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước

	cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch. Đồng thời, thông báo cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký khai sinh trước đây của người được nhập quốc tịch Việt Nam (nếu đăng ký khai sinh trong nước), hoặc nơi lưu trữ Sổ đăng ký khai sinh của chế độ cũ để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh. Nội dung ghi chú bao gồm: số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành Quyết định; nội dung Quyết định. Cán bộ ghi chú phải ký, ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm thực hiện ghi chú.			
--	---	--	--	--

6. BIỂU MẪU: 01 mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu TP/QT-2010-ĐXNQT	- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam
2	Mẫu TP/QT- 2010 – TKLL	- Tờ khai lý lịch

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Bản sao Quyết định kèm theo bản trích sao danh sách những người được nhập quốc tịch, đồng thời gửi 01 bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch.
2	Thông báo cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký khai sinh trước đây của người được nhập quốc tịch Việt Nam (nếu đăng ký khai sinh trong nước), hoặc nơi lưu trữ Sổ đăng ký khai sinh của chế độ cũ để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh. Nội dung ghi chú bao gồm: số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành Quyết định;

	nội dung Quyết định. Cán bộ ghi chú phải ký, ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm thực hiện ghi chú.
Hồ sơ được lưu tại Phòng Hành chính Tư pháp để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch	

Ảnh 4 x 6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

Mẫu TP/QT-2010-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ **và** **tên**
(1):.....
Giới tính: Nam: ☐ Nữ: ☐
Ngày, tháng, năm
sinh:.....
Nơi sinh (2):
Nơi đăng ký khai sinh (3):
Quốc tịch hiện nay
(4):.....
Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):
Số:.....
Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:
.....
Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):.....
Địa chỉ cư trú trước khi nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):.....
Địa chỉ thường trú tại Việt Nam:
.....
.....
.....
.....
Thẻ thường trú số:, cấp ngày, tháng,
năm:..... Cơ quan cấp:.....
cấp lần thứ:.....
Nghề nghiệp:.....
Nơi làm việc:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:.....

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam của tôi thuộc diện được miễn một số điều kiện (6):

.....
.....
.....
.....

Tôi xin lấy tên gọi Việt Nam là :

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin thể trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có):

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Tên gọi Việt Nam

Về quốc tịch hiện nay (7):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con ☐ chưa thành niên nêu trên (nếu có):	Tôi tự xét thấy mình và con chưa thành niên nêu trên (nếu có) thuộc trường hợp đặc biệt: ☐
--	--

	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép được nhập quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:
--	---

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

năm.....

....., ngày.. ... tháng

-
-
-

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
- (2) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (3) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
- (4) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
- (5) *Ghi rõ loại giấy tờ gì;*
- (6) *Nêu rõ trường hợp được miễn theo quy định nào của Luật Quốc tịch Việt Nam;*
- (7) *Đánh dấu ‘X’ vào 1 trong 2 lựa chọn.*

Ảnh 4x6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ **và** **tên**
(1):.....

.....

Giới tính : Nam: ☐ Nữ: ☐
Ngày, tháng, năm

sinh:.....
Nơi sinh (2):
.....

.....
.

Nơi đăng ký khai sinh (3):
.....

Quốc tịch hiện nay
(4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):
Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:
.....

.....
.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:
.....

.....
.....

.....
Nghề
nghiệp:.....

.....
.....

Nơi làm việc :
.....

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

[illegible]

.....

.....

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

Họ **và** **tên** **cha** :

.....

Ngày, tháng, năm sinh :

.....

Quốc tịch:.....

.....

Địa chỉ cư trú:.....

.....

Họ **và** **tên** **mẹ** :

.....

Ngày, tháng, năm sinh :

.....

Quốc tịch:.....

.....

Địa chỉ cư trú :

.....

Họ **và** **tên** **vợ** **/chồng** :

.....

Ngày, tháng, năm sinh :

.....

Nơi sinh:.....

.....

Quốc tịch :

Địa chỉ cư trú :
.....
.....

Họ và tên con thứ nhất:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....
.....

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ hai:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....
.....

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

khai

Người

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
- (2) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (3) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
- (4) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
- (5) *Ghi rõ loại giấy tờ gì.*

3. Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước

SỔ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Ngày BH	/...../20. .

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1. MỤC ĐÍCH
- 2. PHẠM VI
- 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6. BIỂU MẪU
- 7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xác minh			Xem xét, kết luận	Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt
Họ tên							
Chữ ký							
Chức vụ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp	Trưởng Phòng Hành chính tư pháp	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Công an tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	Bộ Tư pháp	Chủ tịch nước

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự giải quyết hồ sơ yêu cầu trở lại quốc tịch Việt Nam

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho cá nhân và các cơ quan có liên quan đến qui trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- ĐDLĐ: Đại diện lãnh đạo
- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Căn cứ pháp lý: - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 1/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ. - Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an sửa đổi, bổ sung điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 1/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.
5.2	Yêu cầu, Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Người đã mất quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 26 của Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 có đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì có thể được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây: + Xin hồi hương về Việt Nam; + Có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam; + Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh

hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó);

+ Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (là người có tài năng trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hoá, xã hội, nghệ thuật, thể thao, được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận việc trở lại quốc tịch của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển trong các lĩnh vực nói trên của Việt Nam);

+ Thực hiện đầu tư tại Việt Nam (phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó);

+ Đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài.

- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

- Trường hợp người bị tước quốc tịch Việt Nam xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải sau ít nhất 5 năm, kể từ ngày bị tước quốc tịch mới được xem xét cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây.

- Người được trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người sau đây, trong trường hợp đặc biệt, nếu được Chủ tịch nước cho phép:

+ Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam;

+ Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;

+ Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Giấy tờ có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

- Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có mang theo bản chính để đối chiếu
	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam	x	
	Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế		x

Bản khai lý lịch	x	
Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ	x	
Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam (Các giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây: bản sao Giấy khai sinh; bản sao Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam; giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó)		x
Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam (Xin hồi hương về Việt Nam; Có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam; Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Thực hiện đầu tư tại Việt Nam; Đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài; giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục xin hồi hương về Việt Nam hoặc bản sao giấy tờ chứng nhận việc đầu tư tại Việt Nam)		x
Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc	x	x

	giấy tờ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ cha hoặc mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thoả thuận của cha mẹ về việc trở lại quốc tịch Việt Nam của con.			
5.4	Số lượng hồ sơ: 03 bộ			
5.5	Thời gian giải quyết hồ sơ: 85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền). (680 giờ)			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính.			
5.7	Lệ phí: 2.500.000 đồng. Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). + Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.			
5.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra đầy đủ hồ sơ theo quy định (theo 5.3) từ Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	08 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình của TTPVHCC - Các hồ sơ tại mục 5.3
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng HCTP	32 giờ	
2.1	Nhận hồ sơ và chuyển xử lý	Trưởng phòng HCTP		
2.2	Xem xét hồ sơ	Chuyên viên Phòng HCTP		

	In văn bản xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam gửi Công an tỉnh, trình lãnh đạo phòng ký nháy, trình lãnh đạo Sở ký văn bản xác minh			Văn bản xác minh
2.3	Xác minh	Công an tỉnh	160 giờ	Văn bản trả lời
2.4	Sau khi nhận được văn bản của Công an tỉnh, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam và hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Chuyên viên Phòng HCTP Trưởng phòng HCTP Lãnh đạo Sở	40 giờ	Tờ trình/Công văn trình UBND tỉnh Dự thảo văn bản của UBND tỉnh gửi Bộ Tư pháp
Bước 3	Xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	UBND tỉnh	80 giờ	Văn bản của UBND tỉnh gửi Bộ Tư pháp
Bước 4	Kiểm tra lại hồ sơ: - Nếu xét thấy người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người đó để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ	Bộ trưởng Bộ Tư pháp (thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định)	200 giờ	Thông báo bằng văn bản cho người đó để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch. Văn bản đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định

	Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định. - Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch thì trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin nhập quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định. - Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình			
--	---	--	--	--

	trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.			
Bước 5	Xem xét, quyết định	Chủ tịch nước	160 giờ	
Bước 6	Sau khi có Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo, Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và trong thời hạn 10 ngày, Bộ Tư pháp gửi cho người được trở lại quốc tịch Việt Nam bản sao Quyết định kèm theo bản trích sao danh sách những người được trở lại quốc tịch và gửi 01 bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch. Trường hợp người được trở lại quốc tịch Việt Nam mà trước đó đã ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh việc thôi quốc tịch Việt Nam thì Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký khai sinh trước đây của người được trở lại quốc tịch Việt Nam (nếu đăng ký khai sinh trong nước), hoặc nơi lưu trữ Sổ đăng ký khai sinh của chế độ cũ để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh. Nội dung ghi chú bao gồm: số			Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước.

	Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành Quyết định; nội dung Quyết định. Cán bộ ghi chú phải ký, ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm thực hiện ghi chú. Trường hợp trước đây đương sự đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã thì sau khi nhận được thông báo của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo tiếp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.			
--	---	--	--	--

6. BIỂU MẪU: 01 mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu TP/QT-2010- ĐXTLQT	- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam
2	Mẫu TP/QT- 2010 – TKLL	- Tờ khai lý lịch

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Bản sao Quyết định kèm theo bản trích sao danh sách những người được trở lại quốc tịch và gửi 01 bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch.
2	Thông báo cho nơi đã đăng ký khai sinh trước đây của người được trở lại quốc tịch Việt Nam (nếu đăng ký khai sinh trong nước), hoặc nơi lưu trữ Sổ đăng ký khai sinh của chế độ cũ để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh. Nội dung ghi chú bao gồm: số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành Quyết định; nội dung Quyết định. Cán bộ ghi chú phải ký, ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm thực hiện ghi chú. Trường hợp trước đây đương sự đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã thì sau khi nhận được thông báo của Bộ

	Tư pháp, Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo tiếp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.
Hồ sơ được lưu tại Phòng Hành chính Tư pháp để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch	

Ảnh 4 x 6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu TP/QT-20

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên
(1):.....

Giới tính: Nam: ☐ Nữ: ☐
Ngày, tháng, năm
sinh:.....
Nơi sinh (2):
.....

Nơi đăng ký khai sinh (3):
.....
Quốc tịch hiện nay
(4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):
Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:
.....
.....
.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (nếu
có):.....

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh (nếu
có):.....
.....

.....
Địa chỉ nơi cư trú:
.....

.....
.....
.....

Nghề
nghiệp:.....

.....
Nơi làm
việc:.....
.....

.....
.....

Trước đây tôi đã có quốc tịch Việt Nam, nhưng đã mất quốc tịch Việt Nam từ
ngày tháng năm

Lý do mất quốc tịch Việt Nam
(6):.....

.....
.....
.....
.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi làm
đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi
được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

.....
.....
.....
.....
.....

Việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam của tôi thuộc diện được miễn một số điều kiện
(7):

.....
.....
.....
.....

.....
.....Tôi xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là :
.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin thề trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin cho con chưa thành niên có tên dưới đây được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam (nếu có):

ST T	Họ và tên	Ngày , tháng , năm sinh	Giới tính	Địa chỉ cư trú hiện nay	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Tên gọi Việt Nam	Ghi chú (8)

Về quốc tịch hiện nay (9):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa ☐ ành niên nêu trên (nếu có):	Tôi tự xét thấy mình và con chưa thành niên nêu trên (nếu có) thuộc trường hợp đặc biệt: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép được trở lại quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:

	
	
	
	

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

năm.....

....., ngày tháng

-
-
-

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1)Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (2)Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
- (3)Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
- (4)Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;
- (5)Ghi rõ loại giấy tờ gì;
- (6) Ghi rõ mất quốc tịch Việt Nam trong trường hợp nào;
- (7)Nêu rõ trường hợp được miễn theo quy định nào của Luật Quốc tịch Việt Nam.
- (8)Ghi rõ trở lại hay nhập quốc tịch Việt Nam;
- (9) Đánh dấu ‘X’ vào 1 trong 2 lựa chọn.

Ảnh 4x6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ **và** **tên**
(1):

.....

Giới tính : Nam: ☐ Nữ: ☐

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay
(4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):
Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc :

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

[illegible]

.....

.....

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

Họ **và** **tên** **cha** :

.....

Ngày, tháng, năm sinh :

.....

Quốc tịch:.....

.....

Địa chỉ cư trú:.....

.....

Họ **và** **tên** **mẹ** :

.....

Ngày, tháng, năm sinh :

.....

Quốc tịch:.....

.....

Địa chỉ cư trú :

.....

Họ **và** **tên** **vợ** **/chồng** :

.....

Ngày, tháng, năm sinh :

.....

Nơi sinh:.....

.....

Quốc tịch :

Địa chỉ cư trú :
.....
.....

Họ và tên con thứ nhất:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....
.....

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ hai:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....
.....

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

khai

Người

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (6) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
- (7) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (8) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
- (9) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
- (10) *Ghi rõ loại giấy tờ gì.*

4. Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Ngày BH	/...../20. .

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xác minh			Xem xét, kết luận	Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt
Họ tên							
Chữ ký							
Chức vụ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp	Trưởng Phòng Hành chính tư pháp	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Công an tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	Bộ Tư pháp	Chủ tịch nước

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự giải quyết hồ sơ yêu cầu thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho cá nhân và các cơ quan có liên quan đến qui trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- ĐDLĐ: Đại diện lãnh đạo
- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Căn cứ pháp lý: - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 1/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ. - Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an sửa đổi, bổ sung điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 1/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.
5.2	Yêu cầu, Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Người xin thôi quốc tịch Việt Nam chưa được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây: + Đang nợ thuế đối với Nhà nước hoặc đang có nghĩa vụ tài sản đối với cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân ở Việt Nam; + Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; + Đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án Việt Nam;

	+ Đang bị tạm giam để chờ thi hành án; + Đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng. - Người xin thôi quốc tịch Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam. - Cán bộ, công chức và những người đang phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam. - Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. - Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có mang theo bản chính để đối chiếu
	Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2010-ĐXTQT.1)	x	
	Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (<i>Dùng cho người giám hộ làm đơn xin cho người được giám hộ</i>) (Mẫu TP/QT-2010-ĐXTQT.2)	x	
	Tờ khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2010-TKLL)	x	
	Bản sao Hộ chiếu Việt Nam, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 của Luật quốc tịch năm 2008;		x
	Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;	x	
	Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt		x

	Nam đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này. Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người đó đang có quốc tịch nước ngoài).			
	Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp;			
	Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 5 năm thì còn phải nộp giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.			
5.4	Số lượng hồ sơ: 03 bộ			
5.5	Thời gian giải quyết hồ sơ: 75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền). (600 giờ)			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính.			
5.7	Lệ phí: 2.500.000 đồng.			
5.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả

Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra đầy đủ hồ sơ theo quy định (theo 5.3) từ Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	08 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình của TTPVHCC - Các hồ sơ tại mục 5.3
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng HCTP	32 giờ	
2.1	Nhận hồ sơ và chuyển xử lý	Trưởng phòng HCTP		
2.2	Kiểm tra toàn bộ hồ sơ: - Nếu không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo ngay để người xin thôi quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; - Nếu thấy hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ thì ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam, đồng thời cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ theo mẫu quy định và phải được đóng dấu treo của Sở Tư pháp.	Chuyên viên Phòng HCTP		
	Đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương trong ba số liên tiếp và gửi đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. Thông báo trên Trang thông tin điện tử phải được lưu giữ trong thời gian ít nhất 30 ngày, kể từ ngày đăng thông báo.			

	In văn bản xác minh về nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam gửi Công an tỉnh, trình lãnh đạo phòng ký nháy, trình lãnh đạo Sở ký văn bản xác minh			Văn bản xác minh
2.3	Xác minh	Công an tỉnh	160 giờ	Văn bản trả lời
2.4	Sau khi nhận được văn bản của Công an tỉnh, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ và hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Chuyên viên Phòng HCTP Trưởng phòng HCTP Lãnh đạo Sở	40 giờ	Tờ trình/Công văn trình UBND tỉnh Dự thảo văn bản của UBND tỉnh gửi Bộ Tư pháp
Bước 3	Xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	UBND tỉnh	40 giờ	Văn bản của UBND tỉnh gửi Bộ Tư pháp
Bước 4	Kiểm tra lại hồ sơ: - kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin thôi quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được thôi quốc tịch Việt Nam thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.	Bộ trưởng Bộ Tư pháp (thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định)	160 giờ	Văn bản đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định
Bước 5	Xem xét, quyết định	Chủ tịch nước	160 giờ	
Bước 6	Sau khi có Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo, Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ			Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước.

	Tư pháp và trong thời hạn 10 ngày, Bộ Tư pháp gửi cho người được thôi quốc tịch Việt Nam bản sao Quyết định kèm theo bản trích sao danh sách những người được thôi quốc tịch, gửi 01 bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch. Đồng thời, thông báo cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký khai sinh trước đây của người được thôi quốc tịch Việt Nam (nếu đăng ký khai sinh trong nước), hoặc nơi lưu trữ Sổ đăng ký khai sinh của chế độ cũ để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh. Nội dung ghi chú bao gồm: số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành Quyết định; nội dung Quyết định. Cán bộ ghi chú phải ký, ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm thực hiện ghi chú. Trường hợp trước đây đương sự đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì sau khi nhận được thông báo của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo tiếp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.			
--	--	--	--	--

6. BIỂU MẪU: 01 mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu TP/QT-2010-ĐXTQT.1 Mẫu TP/QT-2010-ĐXTQT.2	- Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam - Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (<i>Dùng cho người giám hộ làm đơn xin cho người được giám hộ</i>)
2	Mẫu TP/QT- 2010 – TKLL	- Tờ khai lý lịch

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Bản sao Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước
2	Thông báo của Sở Tư pháp về việc thôi quốc tịch Việt Nam đến nơi lưu trữ Sổ đăng ký khai sinh của chế độ cũ để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh. Trường hợp trước đây đương sự đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì sau khi nhận được thông báo về việc thôi quốc tịch Việt Nam của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo tiếp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.
Hồ sơ được lưu tại Phòng Hành chính Tư pháp để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch	

Ảnh 4 x 6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

Mẫu TP/QT-2010-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ **và** **tên**
(1):.....

Giới tính: Nam: ☐ Nữ: ☐
Ngày, tháng, năm
sinh:.....
Nơi sinh (2):
.....

Nơi đăng ký khai sinh (3):
.....

Quốc tịch hiện nay
(4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):

Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:
.....
.....
.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (nếu
có):.....

Địa chỉ cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu
có):.....
.....
.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:
.....

.....

 Nghề
 nghiệp:.....

 Nơi làm
 việc:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được thôi quốc tịch Việt Nam.

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:

.....

Tôi cũng xin cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây được thôi quốc tịch Việt Nam *(nếu có)*:

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Ngày, tháng, năm xuất cảnh <i>(nếu có)</i>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

năm.....

....., ngày.. ... tháng

-
-
-

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
- (2) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (3) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
- (4) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
- (5) *Ghi rõ loại giấy tờ gì;*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT ĐXTQT.2

NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6

(Của người
chưa thành
niên chụp
chưa
quá 6 tháng)

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Dùng cho người giám hộ làm Đơn xin cho người được giám hộ)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên người giám hộ làm Đơn

(1):.....

Giới tính: Nam: ☐ Nữ: ☐

Ngày, tháng, năm

sinh:.....

Nơi sinh (2):

.....

Quốc tịch hiện nay

(3):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (4):

Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

.....

.....

.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:

.....

.....

.....

.....

Quan hệ giữa người giám hộ làm Đơn và người được giám hộ:

.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người được giám hộ có tên sau đây được thôi quốc tịch Việt Nam:

Họ và tên người xin thôi quốc tịch Việt Nam

.....

Giới tính: Nam: ☐ Nữ: ☐

Ngày, tháng, năm

sinh:.....

Nơi sinh:.....

.....

.....

Nơi đăng ký khai sinh (5):

.....

Quốc tịch hiện

nay:.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

.....

.....

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (nếu

có):.....

Địa chỉ cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu

có):.....

.....

.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:

.....

.....

.....

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:

.....

.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:
năm.....

....., ngày tháng

-
-
-

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
- (2) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (3) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
- (4) *Ghi rõ loại giấy tờ gì;*
- (5) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh.*

Ảnh 4x6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ **và** **tên**
(1):

.....
Giới tính : Nam: ☐ Nữ: ☐
Ngày, tháng, năm
sinh:
Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay
(4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):
Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc :

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

[illegible]

.....

.....

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

Họ **và** **tên** **cha** :

.....

Ngày, tháng, năm sinh :

Quốc tịch:

.....

Địa chỉ cư trú:

.....

Họ **và** **tên** **mẹ** :

.....

Ngày, tháng, năm sinh :

Quốc tịch:.....

.....

Địa chỉ cư trú :

.....

Họ **và** **tên** **vợ** **/chồng** :

.....

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....

.....

Quốc tịch :

.....

Địa chỉ cư trú :
.....
.....

Họ và tên con thứ nhất:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....
.....

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ hai:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....
.....

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người

khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (11) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
- (12) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (13) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
- (14) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
- (15) *Ghi rõ loại giấy tờ gì.*

5. Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Ngày BH	/...../20. .

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét, xác minh		Phê duyệt
Họ tên				
Chữ ký				
Chức vụ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp	Trưởng Phòng Hành chính tư pháp	Lãnh đạo Công an tỉnh	Lãnh đạo Sở

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự giải quyết hồ sơ yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho cá nhân và các cơ quan có liên quan đến qui trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- ĐDLĐ: Đại diện lãnh đạo
- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Căn cứ pháp lý: - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 1/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ. - Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an sửa đổi, bổ sung điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 1/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.		
5.2	Yêu cầu, Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Không		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có mang theo bản chính để đối chiếu
	- Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch:		
	+ Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu) kèm 02 ảnh 4x6;	X	

	+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;		x
	+ Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam được quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 hoặc giấy tờ tương tự do chính quyền cũ trước đây cấp, kể cả giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch hoặc mục quốc tịch bỏ trống nếu trên đó ghi họ tên Việt Nam (họ tên người yêu cầu, họ tên cha, mẹ);		x
	- Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch;		
	+ Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu) kèm 02 ảnh 4x6;	x	
	+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;		x
	+ Tờ khai lý lịch và các giấy tờ để phục vụ việc xác minh về quốc tịch, gồm: Bản sao các giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch của ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em ruột, con; Bản sao giấy tờ có nội dung liên quan đến quốc tịch của đương sự do chế độ cũ cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975; Bản sao giấy tờ trên đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.		x
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
5.5	Thời gian giải quyết hồ sơ: - 05 ngày (40 giờ) làm việc đối với trường hợp có đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam; - 15 ngày (120 giờ) làm việc đối với trường hợp không đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền).		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính.		
5.7	Lệ phí: 100.000 đồng.		

	<i>Miễn lệ phí đối với kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.</i>			
5.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra đầy đủ hồ sơ theo quy định (theo 5.3) từ Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	08 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình của TTPVHCC - Các hồ sơ tại mục 5.3
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng HCTP	32 giờ	
2.1	Nhận hồ sơ và chuyển xử lý	Trưởng phòng HCTP		
2.2	Kiểm tra và xử lý hồ sơ: - Đối với trường hợp có đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam: + Sở Tư pháp kiểm tra, đối chiếu danh sách những người đã được thôi quốc tịch Việt Nam hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam. + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tư pháp xem xét và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu). - Đối với trường hợp không đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam: + Trường hợp không có đủ giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp đề nghị Bộ Tư pháp và Công an cấp tỉnh nơi người yêu cầu đang cư trú hoặc nơi thường trú cuối cùng			Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam Văn bản xác minh

	của người đó ở Việt Nam tiến hành xác minh. + Trường hợp nghi ngờ tính xác thực của giấy tờ trong hồ sơ, Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan, tổ chức liên quan tra cứu, kiểm tra, xác minh; In văn bản xác minh về nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam gửi Bộ Tư pháp hoặc Công an tỉnh, hoặc các cơ quan, tổ chức liên quan tra cứu, kiểm tra, xác minh, trình lãnh đạo phòng ký nháy, trình lãnh đạo Sở ký văn bản xác minh			
2.3	Xác minh	Bộ Tư pháp Công an tỉnh Cơ quan, đơn vị có liên quan	70 giờ	Văn bản trả lời
2.4	Sau khi nhận được văn bản của các cơ quan, đơn vị có liên quan, xem xét tham mưu và in văn bản trả kết quả: - Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu) nếu xác định được người yêu cầu đang có quốc tịch Việt Nam; - Trường hợp sau khi tiến hành tra cứu, kiểm tra, xác minh, vẫn không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu có quốc tịch Việt Nam thì Sở Tư pháp thông báo	Chuyên viên Phòng HCTP	06 giờ	Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam Hoặc Thông báo bằng văn bản về việc không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu có quốc tịch Việt Nam.

	bằng văn bản cho người đó biết.			
Bước 3	Xem xét ký nháy văn bản trả kết quả để trình Lãnh đạo sở duyệt	Trưởng phòng HCTP	04 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo Sở phê duyệt văn bản trả kết quả và trả lại hồ sơ cho Phòng HCTP	Lãnh đạo Sở		
Bước 5	Lưu hồ sơ và gửi trả kết quả	Chuyên viên Phòng HCTP		
Bước 6	Vào sổ theo dõi trả kết quả tại TTPVHCC	Công chức tiếp nhận và trả kết quả		Sổ theo dõi TTPVHCC

6. BIỂU MẪU: 01 mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu TP/QT-2013-TKXNCQTVN	Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam
2	Mẫu TP/QT- 2010 – TKLL	Tờ khai lý lịch

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Hồ sơ tại mục 5.3
2	Văn bản trả lời của các cơ quan, đơn vị có liên quan
3	Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc Thông báo bằng văn bản về việc không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu có quốc tịch Việt Nam.
Hồ sơ được lưu tại Phòng Hành chính Tư pháp trong năm tiếp nhận giải quyết hồ sơ, Năm tiếp theo nộp vào lưu trữ cơ quan theo quy định.	

TP/QT-2013-TKXNCQTVN

Ảnh
4x6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TỜ KHAI XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi:.... (tên cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ)

Họ và tên người yêu cầu: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Địa chỉ cư trú:

Nơi thường trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

Quốc tịch nước ngoài (nếu có):

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:
số, cấp ngày tháng năm
tại

Giấy tờ chứng minh hiện nay đang có quốc tịch Việt Nam kèm theo:

- 1)
- 2)
- 3)
- 4)
- 5)

Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình./.

NGƯỜI

(ký, ghi rõ họ, tên)

KHAI

Ảnh 4x6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ **và** **tên**
(1):

.....
Giới tính : Nam: ☐ Nữ: ☐
Ngày, tháng, năm sinh:
Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay
(4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):
Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc :

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

[illegible]

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

Họ và tên cha :

.....

Ngày, tháng, năm sinh :

.....

Quốc tịch:

.....

Địa chỉ cư trú:

.....

.....

Họ và tên mẹ :

.....

Ngày, tháng, năm sinh :

.....

Quốc tịch:

.....

Địa chỉ cư trú :

.....

.....

Họ và tên vợ /chồng :

.....

Ngày, tháng, năm sinh :

.....

Nơi sinh:

.....

Quốc tịch :

.....

Địa chỉ cư trú :
.....
.....

Họ và tên con thứ nhất:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....
.....

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ hai:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....
.....

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

khai

Người

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

(16) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*

(17) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*

(18) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*

(19) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*

(20) *Ghi rõ loại giấy tờ gì.*

IV. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

1. Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngày BH	/...../20. .

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Tra cứu và soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp	Trưởng Phòng Hành chính tư pháp	Lãnh đạo Sở

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự giải quyết hồ sơ yêu cầu cấp cấp bản sao trích lục hộ tịch.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho cá nhân và các cơ quan có liên quan đến qui trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- ĐDLĐ: Đại diện lãnh đạo
- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Căn cứ pháp lý: - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; + Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có Quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.		
5.2	Yêu cầu, Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Không		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có mang theo bản chính để đối chiếu
	- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch.		x

	- Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch theo mẫu đối với trường hợp người yêu cầu là cá nhân.	x		
	- Văn bản yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức.	x		
	- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải công chứng, chứng thực, nhưng phải có giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người ủy quyền.	x		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian giải quyết hồ sơ: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính. - Người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch; - Người thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch có thể trực tiếp nộp hồ sơ; cơ quan, tổ chức có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch có thể trực tiếp gửi văn bản yêu cầu tại Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ, văn bản yêu cầu qua hệ thống bưu chính.			
5.7	Lệ phí: 8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.			
5.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra đầy đủ hồ sơ theo quy định (theo 5.3) từ Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	02 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình của TTPVHCC - Các hồ sơ tại mục 5.3
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng HCTP	04 giờ	

2.1	Nhận hồ sơ và chuyển xử lý	Trưởng phòng HCTP		
2.2	Căn cứ vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch để soạn thảo: - Nếu có thông tin thì soạn thảo nội dung bản sao trích lục hộ tịch - Không có thông tin thì thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu.	Chuyên viên Phòng HCTP		
Bước 3	Xem xét ký nháy văn bản trả kết quả để trình Lãnh đạo sở duyệt	Trưởng phòng HCTP	02 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo Sở phê duyệt văn bản trả kết quả và trả lại hồ sơ cho Phòng HCTP	Lãnh đạo Sở		Bản sao trích lục hộ tịch hoặc văn bản thông báo không có thông tin.
Bước 5	Lưu hồ sơ và gửi trả kết quả	Chuyên viên Phòng HCTP		
Bước 6	Vào sổ theo dõi trả kết quả tại TTPVHCC	Công chức tiếp nhận và trả kết quả		Sổ theo dõi TTPVHCC

6. BIỂU MẪU: 01 mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	//	Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Hồ sơ tại mục 5.3
2	Bản sao giấy tờ hộ tịch

Hồ sơ được lưu tại Phòng Hành chính Tư pháp trong năm tiếp nhận giải quyết hồ sơ, Năm tiếp theo nộp vào lưu trữ cơ quan theo quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ
CẤP BẢN SAO TRÍCH LỤC HỘ TỊCH

KHAI

Kính gửi: ⁽¹⁾

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

.....

Quan hệ với người được cấp bản sao Trích lục hộ tịch:

Đề nghị cơ quan cấp bản sao trích lục⁽⁴⁾

cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:Giới tính:

.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc:Quốc tịch:

.....

Nơi cư trú:

⁽²⁾

.....

.....
Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

.....

.....

.....

.....
Số định danh cá nhân (nếu có):

.....

....

Đã đăng ký tại:⁽⁵⁾

..... ngày tháng năm

.....

Theo⁽⁶⁾.....Số.....

quyền số:.....

Số lượng bản sao Trích lục đề nghị
cấp:.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm.....

Người yêu cầu

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan đề nghị thực hiện việc cấp bản sao Trích lục hộ tịch

(2) Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo địa chỉ đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo địa chỉ đang nơi sinh sống.

(3) Ghi rõ thông tin về giấy tờ tùy thân (số, cơ quan cấp, ngày cấp hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế)

Ví dụ: Chứng minh nhân dân số 0010891235 do Công an Hà Nội cấp ngày 20/10/2004;

Hộ chiếu số N1233567 do Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao cấp ngày 22/12/2015

Hộ chiếu số 545379017 do cơ quan có thẩm quyền Hoa Kỳ cấp ngày 11/02/2016.

(4) Ghi rõ loại việc hộ tịch đã đăng ký trước đây, nay đề nghị cấp bản sao Trích lục hộ tịch

Ví dụ: Khai sinh / Kết hôn / Khai tử / Cải chính hộ tịch

(5) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký hộ tịch trước đây.

Ví dụ: Ủy ban nhân dân phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình

(6) Ghi rõ loại giấy tờ hộ tịch đã được cấp trước đây (chỉ khai nếu biết rõ).

Ví dụ: Giấy khai sinh / Giấy chứng nhận kết hôn

Trích lục khai tử / Trích lục thay đổi hộ tịch

V. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI

1. Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Ngày BH	/...../20. .

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Tra cứu và soạn thảo	Xem xét hồ sơ		Phê duyệt
Họ tên				
Chữ ký				
Chức vụ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp	Trưởng Phòng Hành chính tư pháp	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo tỉnh

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự giải quyết hồ sơ yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho cá nhân và các cơ quan có liên quan đến qui trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- ĐDLĐ: Đại diện lãnh đạo
- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Căn cứ pháp lý: - Luật nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.		
5.2	Yêu cầu, Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam nhưng sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được; - Cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao có chứng thực hoặc bản

			chụp có mang theo bản chính để đối chiếu	
	Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Sở Tư pháp không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng.	x		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian giải quyết hồ sơ: 05 (40 giờ) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính.			
5.7	Lệ phí: Không.			
5.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra đầy đủ hồ sơ theo quy định (theo 5.3) từ Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	08 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình của TTPVHCC - Các hồ sơ tại mục 5.3
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng HCTP		
2.1	Nhận hồ sơ và chuyển xử lý	Trưởng phòng HCTP		
2.2	Kiểm tra thông tin và dự thảo Tờ trình và Quyết định trình UBND tỉnh.	Chuyên viên Phòng HCTP	08 giờ	
Bước 3	Xem xét ký nháy Tờ trình ban hành Quyết định trình UBND tỉnh để trình Lãnh đạo sở duyệt (<i>kèm theo dự thảo Quyết định</i>)	Trưởng phòng HCTP	04 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo Sở ký Tờ trình	Lãnh đạo Sở	20 giờ	Tờ trình

Bước 5	UBND tỉnh xem xét, ký Quyết định.	UBND tỉnh		Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài.
Bước 6	Lưu hồ sơ và gửi trả kết quả	Chuyên viên Phòng HCTP		
Bước 7	Vào sổ theo dõi trả kết quả tại TTPVHCC	Công chức tiếp nhận và trả kết quả		Sổ theo dõi TTPVHCC

6. BIỂU MẪU: 01 mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	//	Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Hồ sơ tại mục 5.3
2	Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài.
Hồ sơ được lưu tại Phòng Hành chính Tư pháp trong năm tiếp nhận giải quyết hồ sơ, Năm tiếp theo nộp vào lưu trữ cơ quan theo quy định.	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4x 6 cm

(chụp chưa
quá 6 tháng)

Ảnh 4x 6 cm

(chụp chưa
quá 6 tháng)

ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI

Kính

gửi:¹

Chúng tôi /tôi là:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

Đã nhận người có tên dưới đây làm con nuôi:

¹ Trường hợp nuôi con nuôi trong nước, thì gửi UBND xã/phường/thị trấn nơi có thẩm quyền đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, thì gửi Sở Tư pháp, nơi có thẩm quyền đăng ký lại việc nuôi con nuôi.

Họ và tên:
.....Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:
.....

Nơi sinh:
.....

Dân tộc:Quốc tịch:
.....

Nơi thường trú:
.....
.....

Phản khai về bên giao con nuôi trước đây²:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú/tạm trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

² Nếu có được các thông tin này.

Quan hệ với trẻ được nhận làm con nuôi
3.

Tên cơ sở nuôi dưỡng:

Chức vụ của người đại diện cơ sở nuôi dưỡng:

Việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại:

.....ngày...
.....tháng.....năm.....

Chúng tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị..... đăng ký.
....., ngày
.....tháng.....năm.....

họ tên)

Người khai
(Ký, ghi rõ

Xác nhận của Người làm chứng thứ nhất⁴

Tôi tên là.....sinh năm
Số CMND....., cư trú tại.....

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về việc làm chứng của mình.

....., ngày.....tháng..... năm.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Người làm chứng thứ hai

Tôi tên là.....sinh năm
Số CMND....., cư trú tại.....

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về việc làm chứng của mình.

....., ngày.....tháng..... năm.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

³Ghi rõ là cha, mẹ đẻ; người giám hộ hay cơ sở nuôi dưỡng. Nếu là cơ sở nuôi dưỡng thì ghi rõ tên cơ sở nuôi dưỡng, chức vụ của người đại diện cơ sở nuôi dưỡng.

⁴.Không cần có xác nhận của người làm chứng nếu đăng ký lại việc nuôi con nuôi tại UBND cấp xã/STP nơi đã đăng ký việc NCN trước đây

2. Thủ tục giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Ngày BH	/...../20. .

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Tra cứu và soạn thảo	Xem xét hồ sơ		Phê duyệt
Họ tên				
Chữ ký				
Chức vụ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp	Trưởng Phòng Hành chính tư pháp	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo tỉnh

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự giải quyết hồ sơ giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho cá nhân và các cơ quan có liên quan đến qui trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- ĐDLĐ: Đại diện lãnh đạo
- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Căn cứ pháp lý: - Luật nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.
5.2	Yêu cầu, Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: <i>Người nhận con nuôi phải có đủ điều kiện như sau:</i> - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; - Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên – không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi; - Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha

dưỡng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi; - Có tư cách đạo đức tốt. <i>Các trường hợp không được nhận con nuôi</i> - Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; - Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh; - Đang chấp hành hình phạt tù; - Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em. <i>Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện như sau:</i> + Là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dưỡng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi; + Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.			
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có mang theo bản chính để đối chiếu
	<i>Hồ sơ của người nhận con nuôi:</i>		
	- Đơn xin nhận con nuôi;	x	
	- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;		x
	- Phiếu lý lịch tư pháp;	x	
	- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;	x	
	- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;	x	
	- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp.	x	
	<i>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:</i>		

	- Giấy khai sinh;		x	
	- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;	x		
	- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;			
	- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;		x	
	- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.		x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian giải quyết hồ sơ: 05 ngày (40 giờ) làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính.			
5.7	Lệ phí: 4.500.000 đồng/trường hợp.			
5.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra đầy đủ hồ sơ theo quy định (theo 5.3) từ Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	08 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình của TTPVHCC - Các hồ sơ tại mục 5.3
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng HCTP		

2.1	Nhận hồ sơ và chuyển xử lý	Trưởng phòng HCTP		
2.2	Kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của những người có liên quan.	Chuyên viên Phòng HCTP	16 giờ	
Bước 3	Xem xét ký nháy Tờ trình ban hành Quyết định trình UBND tỉnh để trình Lãnh đạo sở duyệt (<i>kèm theo dự thảo Quyết định</i>)	Trưởng phòng HCTP	04 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo Sở ký Tờ trình	Lãnh đạo Sở	04 giờ	Tờ trình
Bước 5	UBND tỉnh xem xét, ký Quyết định.	UBND tỉnh	08 giờ	Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài.
Bước 6	Đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch, tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp. - Chuẩn bị, trang trí nơi giao nhận con nuôi. - Vào sổ đăng ký hộ tịch; - Lập Biên bản giao nhận.	Sở Tư pháp		

6. BIỂU MẪU: 01 mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu TP/CN-2014/CN.02	Đơn xin nhận con nuôi
2	Mẫu TP/CN-2011/CN.06	Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Hồ sơ tại mục 5.3
2	Văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan.
3	Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài.

Hồ sơ được lưu tại Phòng Hành chính Tư pháp trong năm tiếp nhận giải quyết hồ sơ,
Năm tiếp theo nộp vào lưu trữ cơ quan theo quy định.

Mẫu TP/CN-2014/CN.02

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6cm

Đ
(

ÂN CON NUÔI

ng hợp nuôi con nuôi trong nước)

Kính

Ảnh 4 x 6 cm

gửi:⁴

Chúng tôi/tôi là:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

⁴ Trường hợp người nhận con nuôi thường trú trong nước, thì gửi UBND xã/ phường/thị trấn nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam, nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi.

Có nguyện vọng nhận trẻ em dưới đây làm con nuôi:

Họ và tên:..... Giới tính:

.....
Ngày, tháng, năm sinh:

.....
Nơi sinh:

.....
Dân tộc: Quốc tịch:

.....
Tỉnh trạng sức khỏe:

.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

.....
Nơi đang cư trú:

☐ Gia đình:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại,/fax/ email		
Quan hệ với trẻ em được nhận làm con nuôi		

☐ Cơ sở nuôi dưỡng⁵:

.....
Lý do nhận con nuôi:

.....
Nếu được nhận trẻ em làm con nuôi, chúng tôi/tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/tôi cam kết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi thông báo về tình trạng phát triển mọi mặt của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho.....⁶ nơi chúng tôi/tôi thường trú.

⁵ Ghi rõ tên và địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng.

⁶ Ghi tên UBND xã/phường/thị trấn hoặc Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Đề nghị⁷ xem xét,
giải quyết.

....., ngày tháng
năm.....

họ tên)

ÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÀ
(Ký, ghi rõ

⁷ Như kính gửi.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI
PHẦN TỰ KHAI CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

1. Ông:

Họ và tên: Ngày sinh:
.....
Nơi sinh:
.....
Số Giấy CMND: Nơi cấp: Ngày cấp:
.....
Nghề nghiệp:
.....
.....
Nơi thường trú:
.....
...
Tỉnh trạng hôn nhân⁸:
.....

2. Bà:

Họ và tên: Ngày sinh:
.....
Nơi sinh:
.....
.....
Số Giấy CMND: Nơi cấp: Ngày cấp:
.....
Nghề nghiệp:
.....
.....
Nơi thường trú:
.....
.....

⁸ Khai rõ đây là lần kết hôn thứ mấy của người nhận con nuôi, tình trạng con cái.

Tình trạng hôn nhân⁹:
.....

3. Hoàn cảnh gia đình¹⁰:
.....
.....
.....
.....
.....

4. Hoàn cảnh kinh tế:
- Nhà ở:
.....
.....
.....
.....
.....
- Mức thu nhập:
.....
.....
- Các tài sản khác:
.....
.....

....., ngày..... tháng.....năm.....
Ông **Bà**
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)
họ tên)

⁹ Khai như chú thích 1.

¹⁰ Khai rõ hiện nay người nhận con nuôi đang sống cùng với ai; thái độ của những người trong gia đình về việc nhận con nuôi.

Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày.....tháng.....
năm.....

thôn

Tổ trưởng dân phố/Trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác minh của công chức tư pháp - hộ tịch¹¹:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày.....tháng..... năm.....

Người xác minh

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹¹ Ý kiến của cán bộ xác minh về các nội dung mà người nhận con nuôi tự khai ở trên. Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi.

xã/phường/thị trấn

Xác nhận của UBND

năm.....

....., ngày.....tháng.....

chức vụ và đóng dấu)

TM. UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
(Ký, ghi rõ họ tên,

3. Thủ tục giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Ngày BH	/...../20. .

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Tra cứu và soạn thảo	Xem xét hồ sơ		Phê duyệt
Họ tên				
Chữ ký				
Chức vụ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp	Trưởng Phòng Hành chính tư pháp	Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo tỉnh

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

--	--	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự giải quyết hồ sơ giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho cá nhân và các cơ quan có liên quan đến qui trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- ĐDLĐ: Đại diện lãnh đạo
- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Căn cứ pháp lý: - Luật nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.
5.2	Yêu cầu, Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: <i>Người xin nhận con nuôi phải có đủ điều kiện như sau:</i> - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; - Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên – không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;

	- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi; - Có tư cách đạo đức tốt. <i>Các trường hợp không được nhận con nuôi</i> - Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; - Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh; - Đang chấp hành hình phạt tù; - Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có mang theo bản chính để đối chiếu
	- Đơn xin nhận con nuôi;	x	
	- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;		x
	- Phiếu lý lịch tư pháp;	x	
	- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;	x	
	- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;	x	
	- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (trường hợp cha dượng, mẹ kế hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi thì không cần văn bản này);	x	
	- Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật nước láng giềng.		
5.4	Số lượng hồ sơ: Không quy định		
5.5	Thời gian giải quyết hồ sơ: Không quy định.		

5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính.			
5.7	Lệ phí: 4.500.000 đồng/trường hợp.			
5.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra đầy đủ hồ sơ theo quy định (theo 5.3) từ Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Công chức tiếp nhận và trả kết quả		- Phiếu kiểm soát quá trình của TTPVHCC - Các hồ sơ tại mục 5.3
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng HCTP		
2.1	Nhận hồ sơ và chuyển xử lý	Trưởng phòng HCTP		
2.2	Kiểm tra hồ sơ và xem xét: - Nếu công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú tại khu vực biên giới làm con nuôi, thì dự thảo Giấy xác nhận. - Nếu công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ không điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú tại khu vực biên giới làm con nuôi, thì dự thảo văn bản thông báo cho người yêu cầu.	Chuyên viên Phòng HCTP		
Bước 3	Xem xét ký nháy văn bản trả kết quả	Trưởng phòng HCTP		
Bước 4	Lãnh đạo Sở ký văn bản trả kết quả	Lãnh đạo Sở		Giấy xác nhận Hoặc Thông báo
Bước 5	Lưu hồ sơ và gửi trả kết quả	Chuyên viên Phòng HCTP		

Bước 6	Vào sổ theo dõi trả kết quả tại TTPVHCC	Công chức tiếp nhận và trả kết quả		Sổ theo dõi TTPVHCC
-------------------	--	--	--	------------------------

6. BIỂU MẪU: 01 mẫu

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu TP/CN-2014/CN.02	Đơn xin nhận con nuôi
2	Mẫu TP/CN-2011/CN.06	Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Hồ sơ tại mục 5.3
2	Văn bản trả kết quả:
Hồ sơ được lưu tại Phòng Hành chính Tư pháp trong năm tiếp nhận giải quyết hồ sơ, Năm tiếp theo nộp vào lưu trữ cơ quan theo quy định.	

Mẫu TP/CN-2014/CN.02

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6cm

Ảnh 4 x 6 cm

Đ
(

ÂN CON NUÔI

ng hợp nuôi con nuôi trong nước)

Kính

gửi:¹²

Chúng tôi/tôi là:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

¹² Trường hợp người nhận con nuôi thường trú trong nước, thì gửi UBND xã/ phường/thị trấn nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam, nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi.

Có nguyện vọng nhận trẻ em dưới đây làm con nuôi:

Họ và tên:..... Giới tính:

.....
Ngày, tháng, năm sinh:

.....
Nơi sinh:

.....
Dân tộc: Quốc tịch:

.....
Tình trạng sức khỏe:

.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

.....
Nơi đang cư trú:

☐ Gia đình:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại,/fax/ email		
Quan hệ với trẻ em được nhận làm con nuôi		

☐ Cơ sở nuôi dưỡng¹³:

.....
Lý do nhận con nuôi:

.....
Nếu được nhận trẻ em làm con nuôi, chúng tôi/tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/tôi cam kết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi thông báo về tình trạng phát triển mọi mặt của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho.....¹⁴ nơi chúng tôi/tôi thường trú.

¹³ Ghi rõ tên và địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng.

¹⁴ Ghi tên UBND xã/phường/thị trấn hoặc Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Đề nghị¹⁵ xem xét, giải quyết.

....., ngày tháng
năm.....

ÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÀ
(Ký, ghi rõ

¹⁵ Như kính gửi.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

PHẦN TỰ KHAI CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

1. Ông:

Họ và tên: Ngày sinh:
.....
Nơi sinh:
.....
Số Giấy CMND: Nơi cấp: Ngày cấp:
.....
Nghề nghiệp:
.....
.....
Nơi thường trú:
.....
...
Tỉnh trạng hôn nhân¹⁶:
.....

2. Bà:

Họ và tên: Ngày sinh:
.....
Nơi sinh:
.....
.....
Số Giấy CMND: Nơi cấp: Ngày cấp:
.....
Nghề nghiệp:
.....
.....
Nơi thường trú:
.....
.....

¹⁶ Khai rõ đây là lần kết hôn thứ mấy của người nhận con nuôi, tình trạng con cái.

Tình trạng hôn nhân¹⁷:
.....

3. Hoàn cảnh gia đình¹⁸:
.....
.....
.....
.....
.....

4. Hoàn cảnh kinh tế:
- Nhà ở:
.....
.....
.....
.....
.....
- Mức thu nhập:
.....
.....
- Các tài sản khác:
.....
.....

....., ngày..... tháng.....năm.....
Ông **Bà**
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)
họ tên)

¹⁷ Khai như chú thích 1.

¹⁸ Khai rõ hiện nay người nhận con nuôi đang sống cùng với ai; thái độ của những người trong gia đình về việc nhận con nuôi.

Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày.....tháng.....
năm.....

thôn

Tổ trưởng dân phố/Trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác minh của công chức tư pháp - hộ tịch¹⁹:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày.....tháng..... năm.....

Người xác minh

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹⁹ Ý kiến của cán bộ xác minh về các nội dung mà người nhận con nuôi tự khai ở trên. Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi.

xã/phường/thị trấn

Xác nhận của UBND

năm.....

....., ngày.....tháng.....

chức vụ và đóng dấu)

TM. UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
(Ký, ghi rõ họ tên,

VI. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

1. Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường

SỞ TƯ PHÁP	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QT-
	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường	Ngày BH	/...../20. .

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Tra cứu và soạn thảo	Xem xét hồ sơ	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên Phòng Hành chính tư pháp	Trưởng Phòng Hành chính tư pháp	Lãnh đạo Sở

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/bổ sung	Trang / Phần liên quan sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

--	--	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự xác định cơ quan giải quyết bồi thường.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho cá nhân và các cơ quan có liên quan đến qui trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- ĐDLĐ: Đại diện lãnh đạo
- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Căn cứ pháp lý: - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.		
5.2	Yêu cầu, Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Thủ tục hành chính được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau đây: a) Trường hợp xác định cơ quan theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP, Sở Tư pháp giúp UBND cấp tỉnh xác định cơ quan giải quyết bồi thường thì khi có một trong các căn cứ sau: - Không có sự thống nhất về cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp có nhiều người thi hành công vụ thuộc nhiều cơ quan trong phạm vi quản lý của địa phương mình cùng gây thiệt hại; - Cơ quan nhà nước ở địa phương bị giải thể theo quyết định của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. b) Trường hợp xác định cơ quan theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP, Sở Tư pháp thực hiện việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường khi người yêu cầu bồi thường chưa xác định ngay được cơ quan giải quyết bồi thường và người yêu cầu bồi thường gửi hồ sơ yêu cầu bồi thường đến Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có mang

			theo bản chính để đối chiếu
	Yêu cầu xác định cơ quan giải quyết bồi thường của người yêu cầu bồi thường hoặc hồ sơ do các cơ quan không thống nhất được cơ quan giải quyết bồi thường chuyển sang khi có một trong các căn cứ sau: a) Trường hợp xác định cơ quan theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP, Sở Tư pháp giúp UBND cấp tỉnh xác định cơ quan giải quyết bồi thường thì khi có một trong các căn cứ sau: - Không có sự thống nhất về cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp có nhiều người thi hành công vụ thuộc nhiều cơ quan trong phạm vi quản lý của địa phương mình cùng gây thiệt hại; - Cơ quan nhà nước ở địa phương bị giải thể theo quyết định của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. b) Trường hợp xác định cơ quan theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP, Sở Tư pháp thực hiện việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường khi người yêu cầu bồi thường chưa xác định ngay được cơ quan giải quyết bồi thường thì người yêu cầu bồi thường gửi hồ sơ yêu cầu bồi thường quy định tại Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017.	x	
5.4	Số lượng hồ sơ: Không quy định		
5.5	Thời gian giải quyết hồ sơ: 05 ngày (40 giờ) làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính.		
5.7	Lệ phí: Không		
5.8	Quy trình xử lý công việc		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra đầy đủ hồ sơ theo quy định (theo 5.3) từ Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	08 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình của TTPVHCC - Các hồ sơ tại mục 5.3
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng HCTP		
2.1	Nhận hồ sơ và chuyển xử lý	Trưởng phòng HCTP		
	Thông báo và tổ chức họp với các cơ quan có liên quan để xác định cơ quan giải quyết bồi thường. Ghi biên bản cuộc họp	Chuyên viên phòng HCTP	24 giờ	
2.2	Trên cơ sở kết quả cuộc họp, dự thảo Văn bản trả kết quả thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp; hoặc dự thảo Tờ trình và văn bản trả kết quả tham mưu UBND tỉnh ký.			
Bước 3	Xem xét ký nháy văn bản trả kết quả thuộc thẩm quyền của Sở; Xem xét ký nháy Tờ trình gửi UBND tỉnh ban hành Văn bản trả kết quả.	Trưởng phòng HCTP	08 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo Sở ký văn bản trả kết quả (Trong trường hợp xác định cơ quan theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP) UBND cấp tỉnh ký văn bản trả kết quả trong trường hợp xác định cơ quan theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị	Lãnh đạo Sở Hoặc UBND tỉnh		Văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường.

	định số 68/2018/NĐ-CP (Sở Tư pháp giúp UBND cấp tỉnh xác định cơ quan giải quyết bồi thường)			
Bước 5	Lưu hồ sơ và gửi trả kết quả	Chuyên viên Phòng HCTP		
Bước 6	Vào sổ theo dõi trả kết quả tại TTPVHCC	Công chức tiếp nhận và trả kết quả		Sổ theo dõi TTPVHCC

6. BIỂU MẪU: Không

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Hồ sơ tại mục 5.3.
2	Biên bản cuộc họp các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường.
3	Văn bản trả kết quả: Văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường.
Hồ sơ được lưu tại Phòng Hành chính Tư pháp trong năm tiếp nhận giải quyết hồ sơ, Năm tiếp theo nộp vào lưu trữ cơ quan theo quy định.	